

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/DS-PT

Ngày: 08-6-2022

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay

tài sản, mua bán và góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tổng Văn Viên.

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Hùng.

Bà Ngô Thị Kim Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Tiền, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Lánh, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2022/TLPT-DS, ngày 14 tháng 4 năm 2022, về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, mua bán và góp hụi*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 182/2022/QĐ-PT ngày 12 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nghiêm Thị T, sinh năm 1976; Địa chỉ: ấp D, xã T, huyện N, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Huỳnh Tấn D, sinh năm 1968 (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Hồng T1, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm 4, phường 1, thị xã H, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lâm Văn T2, sinh năm 1979 (có mặt).

2. Bà Phạm Thị T3, sinh năm 1982 (vắng mặt).

3. Anh Lâm Quốc Q, sinh năm 2000 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp D, xã T, huyện N, tỉnh Trà Vinh.

- *Người kháng cáo:* Bà Nghiêm Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/12/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Do quen biết với nhau nên bà cho bà Nguyễn Thị Hồng T1 và ông Huỳnh Tấn D vay số tiền hai lần; Cụ thể cho vay lần một 30.000.000 đồng và lần hai 25.000.000 đồng, lãi suất cho vay 6%/tháng, không thỏa thuận thời gian trả. Bà không nhớ ngày tháng năm cho vay và lúc giao tiền không có làm biên nhận. Sau đó, bà có kêu bà T1 viết biên nhận. Đến ngày 07-3-2017 âm lịch, bà T1 viết biên nhận thể hiện có nợ tiền vay của bà 55.000.000 đồng, trong quá trình vay bà T1 ông D không đóng lãi. Cũng trong năm 2017 âm lịch, bà có bán rom thiếu cho bà T1 ông D 1.550.000 đồng. Nay bà yêu cầu bà T1 ông D trả tiền nợ vay và nợ tiền mua rom 56.550.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 07-3-2017 âm lịch cho đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Tại đơn phản tố đề ngày 17/5/2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Hồng T1 là bị đơn và người đại diện của ông D trình bày: Bà thừa nhận do quen biết với nhau nên bà và ông D vay tiền bà T hai lần; Cụ thể, vay lần một 30.000.000 đồng và lần hai 25.000.000 đồng, lãi suất vay 6%/tháng, không thỏa thuận thời gian trả. Lúc nhận tiền chỉ có bà đi nhận một mình, không có làm biên nhận tiền. Sau này do bà T kêu nên bà làm biên nhận đề ngày 07/3/2017 âm lịch đưa cho bà T. Biên nhận do bà tự viết và tự ký tên, biên nhận thể hiện bà và ông D nợ tiền vay của bà T 55.000.000 đồng. Cũng trong năm 2017 âm lịch, bà có mua rom thiếu của của bà T và ông T2 1.600.000 đồng. Tổng số tiền bà và ông D nợ tiền bà T là 56.600.000 đồng.

Vào tháng 01-2016 âm lịch bà bán cho ông T2, bà T 01 con bò nhỏ giá 6.000.000 đồng, ngày 20-7-2018 âm lịch bà bán cho ông T2 bà T 02 con bò lớn giá 20.000.000 đồng nhưng ông T2, bà T chưa đưa tiền. Ngày 22-7-2018 âm lịch bà có đến nhà bà T trả tiền mua rom 1.600.000 đồng nêu trên, thì bà T thỏa thuận với bà, nội dung thỏa thuận bà T ông T2 thiếu tiền bò 20.000.000 đồng nêu trên bà T trừ đi phần nợ vay nêu trên. Tiền bà trả nợ mua rom và nợ vay cho bà T là 21.000.000 đồng, bà T có viết biên nhận 21.000.000 đồng. Ngoài ra, bà còn cho rằng vào tháng 01/2018 âm lịch bà trả tiền vay cho bà T 2.000.000 đồng và tháng 02/2018 âm lịch trả 14.000.000 đồng, sau đó bà T có viết biên nhận tổng cộng hai lần là 16.000.000 đồng; Ngày 13/4/2018 âm lịch bà trả cho bà T số tiền 2.000.000 đồng nhưng do bà T không có ở nhà nên ông Lâm Quốc Q là con bà T nhận, ngày 29/6/2018 âm lịch bà trả cho bà T số tiền 1.000.000 đồng nhưng do bà T không có ở nhà nên bà Phạm Thị T3 là em bà Thoa nhận, lúc nhận tiền ông Q, bà T3 có viết biên nhận.

Tháng 8-2018 âm lịch, bà T có nhận chơi dùm bà 01 phần hụi, loại hụi 1.000.000 đồng/tháng, có 20 phần, hụi mở ngày 24/9/2018 âm lịch. Ngày 24/9/2018 âm lịch, bà T lấy biên nhận hót hụi lại cho bà và nói hụi bà T hót đầu tiên được số tiền 15.500.000 đồng, nhưng bà T không đưa tiền này cho bà mà bà T lấy luôn để trừ phần nợ tiền vay. Lúc này bà có nghĩa vụ giao tiền cho bà T mỗi tháng 1.000.000 đồng để bà T đóng hụi chết đến khi kết thúc hụi. Bà đã giao tiền cho bà T đóng hụi chết tính từ ngày 24/9/2018 âm lịch đến 12/10/2020 âm lịch là

27 tháng với số tiền là 27.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu bà T, ông T2 trả tiền nợ mua bò 26.000.000 đồng, tiền lãi 20%/năm từ ngày 20/7/2018 âm lịch đến khi giải quyết xong vụ án; Yêu cầu bà T ông T2 trả lại tiền đóng hui chết 27.000.000 đồng, tiền lãi 20%/năm từ ngày 12/10/2020 âm lịch đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/3/2021 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Văn T2 trình bày: Tháng 01/2016 âm lịch ông có mua của bà T1, ông D 01 con bò nhỏ giá 6.500.000 đồng, tháng 7/2018 âm lịch ông có mua của bà T1, ông D 02 con bò lớn giá 23.500.000 đồng. Lúc mua ông đã trả tiền cho bà T1, ông D xong. Ông không cho bà T1, ông D ký biên nhận tiền, không có ai chứng kiến việc ông giao tiền. Nay, ông không đồng ý trả tiền mua bò 26.000.000 đồng theo yêu cầu của bà T, ông D.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/11/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Quốc Q trình bày: Ngày 13/4/2018 âm lịch bà T1 có đến nhà bà T trả tiền nợ vay cho bà T số tiền 2.000.000 đồng, nhưng do bà T không có ở nhà nên ông nhận thay, số tiền này ông đã giao lại cho bà T.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/11/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T3 trình bày: Ngày 13/4/2018 âm lịch bà T1 có đến nhà bà T trả tiền nợ vay cho bà T số tiền 1.000.000 đồng, nhưng do bà T không có ở nhà nên bà nhận thay, số tiền này bà đã giao lại cho bà T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2022/DS-ST ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nghiêm Thị T yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng T1 và ông Huỳnh Tấn D trả tiền nợ vay 55.000.000 đồng và trả tiền mua rom 1.550.000 đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng T1 và ông Huỳnh Tấn D có trách nhiệm trả cho bà Nghiêm Thị T số tiền vốn vay còn nợ 52.000.000 đồng; tiền lãi 23.160.000 đồng; tiền nợ mua rom 1.550.000 đồng. Tổng cộng 76.710.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Hồng T1 và ông Huỳnh Tấn D yêu cầu bà Nghiêm Thị T và ông Lâm Văn T2 trả số tiền nợ mua bò 26.000.000 đồng và tiền hui 19.000.000 đồng.

Buộc bà Nghiêm Thị T và ông Lâm Văn T2 có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Hồng T1 và ông Huỳnh Tấn D số tiền mua bò còn nợ 26.000.000 đồng; tiền lãi 8.941.111 đồng và tiền hui còn nợ 19.000.000 đồng; tiền lãi 2.533.333 đồng. Tổng cộng 56.474.444 đồng.

Kể từ ngày bản án sơ thẩm được xét xử cho đến khi thi hành án xong khoản nợ này, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nghiêm Thị T yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng T1 và ông Huỳnh Tấn D trả số tiền lãi đối với phần tiền mua rom còn nợ.

Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Hồng T1 và ông Huỳnh Tấn D yêu cầu bà Nghiêm Thị T và ông Lâm Văn T2 trả tiền hụi 8.000.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/3/2022 nguyên đơn bà Nghiêm Thị T kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2022/DS-ST ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, không đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị Hồng T1 và ông Huỳnh Tấn D số tiền mua bò 26.000.000 đồng và khoản tiền lãi 8.941.111 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Bà T1 cho rằng tháng 01/2016 âm lịch có bán cho ông T2 và bà T 01 con bò nhỏ (bò nghé) giá là 6.000.000 đồng. Ngày 20/7/2018 âm lịch bà tiếp tục bán cho ông D, bà T 02 con bò giá 20.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền 02 lần bán bò là 26.000.000 đồng. Ông D, bà T chưa trả tiền cho ông, bà. Ông Lâm Văn T2 (chồng bà T) thừa nhận tháng 01/2016 âm lịch ông có mua của bà T1 01 con bò nhỏ giá 6.500.000 đồng và ngày 20/7/2018 ÂL ông tiếp tục mua của bà T1 02 con bò giá 23.500.000 đồng, tổng cộng 02 lần mua bò số tiền là 30.000.000 đồng. Hai lần mua bò của bà T1 ông đã trả đủ tiền, việc trả tiền mua bò cho bà T1 không có làm biên nhận, cũng không ai chứng kiến nên ông không có chứng cứ gì để chứng minh. Việc mua bán bò được bà T1, bà T, ông T2 thừa nhận. Tuy nhiên, phía ông T2 và bà T cho rằng đã trả đủ tiền cho bà T1, ông D rồi nhưng không có chứng cứ gì chứng minh. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông T2, bà T có nghĩa vụ thanh toán tiền mua bò cho bà T1, ông D theo yêu cầu của bà T1 ông D là 26.000.000 đồng là có cơ sở. Về lãi suất chậm trả: Tòa án cấp sơ thẩm đã có xem xét, đúng quy định của pháp luật. Do đó, Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Huỳnh Tấn D và bà Nguyễn Thị Hồng T1 là bị đơn và anh Lâm Quốc Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 tham gia phiên tòa nhưng ông Huỳnh Tấn D, bà Nguyễn Thị Hồng

T1 và anh Lâm Quốc Q vắng mặt không có lý do và không có kháng cáo nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nghiêm Thị T không đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị Hồng T1 và ông Huỳnh Tấn D số tiền mua bò 26.000.000 đồng và khoản tiền lãi 8.941.111 đồng.

[2.1] Bà Nghiêm Thị T, ông Lâm Văn T2 cho rằng mua bò của bà T1, ông D bằng 30.000.000 đồng (trong đó mua 01 con bò nhỏ giá 6.500.000 đồng và 02 con bò lớn với giá 23.500.000 đồng) đã thanh toán xong nhưng không có làm biên nhận, không ai chứng kiến. Bà Nguyễn Thị Hồng T1 và ông Huỳnh Tấn D cho rằng bà T, ông T2 mua bò bằng 26.000.000 đồng (trong đó mua 01 con bò nhỏ giá 6.000.000 đồng và 02 con bò lớn với giá 20.000.000 đồng) chưa thanh toán tiền nên bà T1, ông D yêu cầu bà T, ông T2 trả số tiền mua bò là 26.000.000 đồng và tiền lãi. Bà Nghiêm Thị T, ông Lâm Văn T, bà Nguyễn Thị Hồng T1 và ông Huỳnh Tấn D thừa nhận vào tháng 01/2016 âm lịch bà T1, ông D có bán cho bà T, ông T2 01 con bò nhỏ và ngày 20/7/2018 âm lịch bà T1, ông D có bán cho bà T, ông T2 02 con lớn. Hai bên không thống nhất được giá mua bò nhưng bà T1, ông D cho rằng bán bò với giá 26.000.000 đồng và chỉ yêu cầu số tiền này, còn bà T, ông T2 khai nhận số tiền ông, bà mua bò bằng 30.000.000 đồng nên cấp sơ thẩm giải quyết đối với số tiền mua bò 26.000.000 đồng là phù hợp với quy định. Sự việc này được các bên thừa nhận thuộc tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92, Điều 188 Bộ luật dân sự năm 2015. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ngoài lời khai miệng bà T, ông T2 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả tiền mua bò 26.000.000 đồng cho bà T1, ông D theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và các bên cũng thừa nhận giữa bà T1 và bà T có việc vay tiền, mua rơm như cấp sơ thẩm đã giải quyết nên việc vợ chồng bà T1 trình bày ông T2 bắt bò chưa thanh toán tiền cho vợ chồng bà T1 là có căn cứ; còn bà T1, ông D không thừa nhận việc bà T, ông T2 có trả 26.000.000 đồng tiền mua bò. Do đó, bà T, ông T2 có nghĩa vụ thanh toán tiền mua bò cho bà T1 ông D với số tiền 26.000.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 280 và Điều 440 của Bộ luật dân sự nên yêu cầu kháng cáo của bà T là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất chậm trả: Việc mua bán bò chỉ thỏa thuận miệng không có lập thành văn bản và giữa bà T1, bà T không có thỏa thuận về lãi suất nên theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì lãi suất được quy định trường hợp này là 10%/năm. Như đã phân tích ở mục [2.1] việc mua bán bò là có thật vào tháng 01/2016 âm lịch và ngày 20/7/2018 âm lịch nhưng bà T1, ông D chỉ yêu cầu tính lãi suất từ 20/7/2018 âm lịch (tức ngày 30/8/2018 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm 18/01/2022 âm lịch (18/02/2022 dương lịch) bằng 1.238 ngày. Bà T1, ông D yêu cầu bà T, ông T2 thanh toán tiền lãi chậm trả 20%/năm đã vượt mức lãi suất theo quy định. Do đó,

cấp sơ thẩm chấp nhận lãi suất chậm trả 10%/năm của số tiền 26.000.000 đồng, tính từ 20/7/2018 âm lịch (tức ngày 30/8/2018 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm 18/01/2022 âm lịch (18/02/2022 dương lịch) bằng 1.238 ngày với số tiền 8.941.111 đồng theo quy định tại Điều 280, khoản 2 Điều 357, Điều 440 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự là có căn cứ nên yêu cầu kháng cáo của bà T về phần lãi suất không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Từ các nhận định và phân tích nêu trên, ý kiến của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nghiêm Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nghiêm Thị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nghiêm Thị T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Hồng T1 và ông Huỳnh Tấn D yêu cầu bà Nghiêm Thị T và ông Lâm Văn T2 trả số tiền nợ mua bò 26.000.000 đồng và tiền lãi từ 20/7/2018 âm lịch (tức ngày 30/8/2018 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm 18/01/2022 âm lịch (18/02/2022 dương lịch) bằng 8.941.111 đồng.

Buộc bà Nghiêm Thị T và ông Lâm Văn T2 có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Hồng T1 và ông Huỳnh Tấn D số tiền mua bò còn nợ 26.000.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu đồng*) và tiền lãi 8.941.111 đồng (*Tám triệu chín trăm bốn mươi một ngàn một trăm mười một đồng*).

Kể từ ngày bản án sơ thẩm được xét xử cho đến khi thi hành án xong khoản nợ này, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bà Nghiêm Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0008188 ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND thị xã Duyên Hải;
- Chi cục THADS thị xã Duyên Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tổng Văn Viên